

# KIM CỔ KỲ QUAN

## bộ thơ Nôm độc đáo ở miền Tây Nam bộ

Nguyễn Ngọc Quận

**KIM CỔ KỲ QUAN (KCKQ) LÀ BỘ SÁCH VIẾT BẰNG CHỮ NÔM CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN VĂN THỚI (1866-1926), GỒM 9 QUYỂN ĐƯỢC ĐẶT TÊN RIÊNG, VỚI TỔNG SỐ CHỮ NHIỀU HƠN 7 LẦN TRUYỆN KIỀU, ĐƯỢC XEM NHƯ MỘT BỘ “THÁNH KINH” ĐỐI VỚI MỘT SỐ BỘ PHẬN TÍN NGƯỠNG TẠI MIỀN TÂY NAM BỘ HÀNG TRĂM NĂM QUA. NỘI DUNG BỘ SÁCH KHÁ QUEN THUỘC ĐỐI VỚI NGƯỜI NAM BỘ (NB) THÔNG QUA MỘT VÀI BẢN IN QUỐC NGỮ TRƯỚC 1975, TUY NHIÊN RẤT ÍT NGƯỜI BIẾT ĐẾN BẢN VIẾT TAY BẰNG CHỮ NÔM. NGOÀI NỘI DUNG TƯ TƯỞNG TIẾN BỘ NHƯ KHUYẾN THIỆN, TRỪNG ÁC, YÊU NƯỚC, CHỐNG PHÁP..., TOÀN BỘ CHỮ NÔM TRONG BỘ SÁCH CÓ THỂ COI LÀ CHỨNG TÍCH CHỮ NÔM NAM BỘ, DI SẢN VĂN HOÁ HÁN NÔM QUÝ HIẾM Ở NB CẦN ĐƯỢC BẢO TỒN.**

### 1. Về tác giả Nguyễn Văn Thới

Nguyễn Văn Thới (1866-1926) vốn người làng Mỹ Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; mất tại xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông là một nhân sĩ có tinh thần yêu nước, chống Pháp, là tín đồ của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương (do Đoàn Văn Huyên, 1807-1856, còn gọi là Phật Thầy Tây An, sáng lập) ở miền Tây NB. Bộ *KCKQ* ra đời áng chừng khoảng năm 1900 đến 1926, trước khi ông qua đời.

### 2. Kim cổ kỳ quan với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo

Hơn 8 thập kỷ qua, nhân dân các tỉnh An Giang, Đồng Tháp,

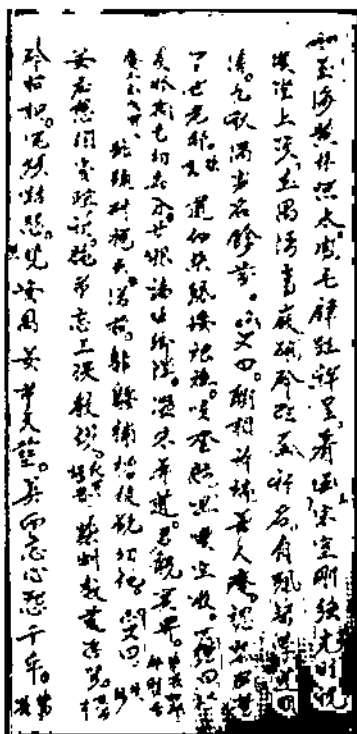
Tiền Giang, Hậu Giang, và nhiều nơi khác ở miền Tây NB, hầu như khá quen thuộc với tên tuổi “Ông Ba Thới”, hoặc “Ông Ba” (Nguyễn Văn Thới), gắn liền với danh tiếng bộ sách *KCKQ*. Ấn bản Quốc ngữ<sup>(1)</sup> của bộ sách này truyền lưu chủ yếu trong các cơ sở Phật giáo Hòa Hảo. Hiện có nhiều trang mạng đăng tải các video-clip giới thiệu, ngâm đọc một số quyển hoặc trọn bộ *KCKQ* một cách trân trọng, coi như một pho sách quý nhằm tăng cường tính tư tưởng cho giáo lý Phật giáo Hòa Hảo. Các website của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo trong và ngoài nước đã đăng tải nhiều bài viết giới thiệu về tác phẩm *KCKQ* cũng như tác giả Nguyễn

Văn Thới. Bộ *KCKQ* ra đời trước khi Phật giáo Hòa Hảo được khai lập; tuy nhiên, tư tưởng lớn bao trùm trong bộ sách nghiêng hẳn về Phật giáo, về đạo hiếu, về tình yêu thương giống nòi dân tộc, rất gần với tôn chỉ của Phật giáo Hòa Hảo nên nó được tín đồ đạo này quý trọng, tôn thờ. Nhiều người thuộc các dòng phái tín ngưỡng khác ở NB cũng rất quý trọng, truyền lưu *KCKQ*, vì ẩn chứa trong đó là những nội dung tích cực, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

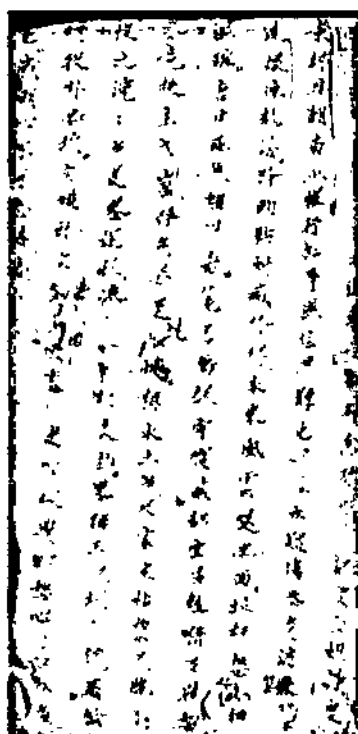
### 3. Sơ bộ miêu tả hiện trạng văn bản Nôm các quyển thuộc bộ Kim cổ kỳ quan<sup>(2)</sup>

Trọn bộ *KCKQ* gồm 9 quyển: *Kim cổ*, *Giác mê*, *Cáo thị*, *Vân Tiên*, *Ngôi buồn*, *Bốn tướng*, *Thừa nhân*, *Tiền Giang*, *Kiểm Tiên*. Về văn thể, chỉ riêng quyển *Bốn tướng* có ngôn từ là lời thoại của kịch bản tuồng, có chen nhiều bài thơ ngắn; tám quyển còn lại đều là thơ, được viết bằng các thể lục bát, lục bát biến thể (thất - bát), thất ngôn, bát ngôn, song thất lục bát. Trong *KCKQ* còn có nhiều đoạn văn xuôi Nôm, nhiều bài thơ và kệ bằng chữ Hán. Nếu quy hết thành thơ 7 chữ, thì tổng số câu khoảng 24.000 câu, nhiều hơn 7 lần *Truyện Kiều*.

Chúng tôi lần lượt miêu tả văn tắt hiện trạng 9 quyển theo thứ tự như các bản Quốc ngữ lưu



Ảnh trang 1a quyển Bôn tuồng



Trang 1a quyển Kiêng Tiên

hành lâu nay. Các bản Nôm được chụp lưu và miêu tả ở đây đều có cách đóng quyển truyền thống về văn bản Hán Nôm nói chung (một tờ gấp thành 2 trang, thường gọi là trang a, b), viết bằng bút lông trên hai loại giấy: giấy dó và giấy dẫu. Giấy dẫu nói ở đây là một loại giấy trong mờ, sử dụng phổ biến ở miền Nam những năm trước và sau 1960 chủ yếu là dùng để bao tập vở cho học sinh. Các bản giấy dẫu có lẽ do cùng một người viết, nét chữ giống nhau, tuy hơi loảng ngoảng khó đọc nhưng nhìn chung ổn định. Các bản photocopy sẽ được ghi kích thước khổ giấy, còn lại là ảnh chụp kỹ thuật số đều không được biết kích thước chính xác.

**1/ KIM CỔ:** Thơ, sơ bộ đếm được 2.808 câu; 52 câu đầu là thơ thất ngôn, còn lại là thơ thất-bát ngôn. Hiện có 2 bản Nôm:

- Sách giấy dó chép tay, ngà màu thâm, mép giấy bị ố qua thời gian, gồm 87 tờ, mỗi trang 8 cột. Gán 2 trang đầu chữ viết

liên tục, hết câu không cách quãng, gồm 52 câu thơ thất ngôn (được các bản Quốc ngữ cho là "lời tựa"). Từ hai cột ở cuối trang 1b trở xuống được chép mỗi cột hai câu thơ, câu lẻ 7 chữ ở trên, câu chẵn 8 chữ ở dưới, có cách quãng ở giữa trang. Chữ viết nhìn chung khá rõ; một số chữ bị rách mất ở trang cuối quyển.

- Sách giấy dẫu chép tay, gồm 50 tờ, khổ 22x21 (cm), nội dung tương tự sách giấy dó nói trên, mỗi trang 14 cột, mỗi cột 2 câu (riêng 2 cột cuối ở trang cuối tăng số câu cho hết quyển trong trang này).

**2/ GIÁC MÊ:** Thơ, có 400 câu, sách giấy dó, 12 tờ (24 trang, không kể bìa). Mỗi trang 6 cột, viết liên tục không cách quãng khi hết câu, trừ trang áp cuối câu trên cách câu dưới một quãng. Chữ viết đôi khi pha thảo, vài trang bị lem mực, vài trang bị rách mất dăm bảy chữ ở mép bìa sách. Thơ ở quyển này không thuận một thể. Vài trăm câu đầu theo thể song

thất lục bát, có chen một bài thơ thất ngôn bát cú biến thể, một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt bằng chữ Hán. Có một mảng 80 câu thất ngôn, trong đó cứ 8 câu có thể tách ra thành bài riêng mà câu đầu bài dưới có vài ba chữ giống câu cuối bài trên, vị chi thành 10 bài thất ngôn bát cú, nối nhau có 2, 3 hoặc 4 chữ lặp lại (vài ba chữ câu đầu bài dưới lặp lại vài ba chữ câu cuối bài trên) theo lối liên hoàn (ví dụ, câu cuối bài trên: "Đọc ngang mặc thích thể không hay", và bài kế theo có câu đầu: "Thể không hay có bực người lành", câu kết thúc: "Ngâm tâm mùi đạo rất tình minh"; bài tiếp theo có câu đầu: "Đạo rất tình minh có dễ đâu"...). Mảng kế đó là 108 câu thơ lục bát, cuối quyển là bài thơ 10 câu thất ngôn.

**3/ CÁO THI:** Thơ, khoảng 4.000 câu, sách giấy dó, 77 tờ (153 trang, trang cuối không chép). Nhiều trang bị cháy sém, chưa truy được nội dung bị cháy mất, nên rất khó xác định số câu (các bản Quốc ngữ cũng như các trang mạng hiện nay đều để khuyết những câu chữ tương ứng như vậy). Một số trang vốn bị cháy sém nhưng đã được bồi lại và chép bổ sung, mỗi trang chép trên dưới 27 câu. Văn bản Nôm này có 153 trang, áng chừng khoảng 4.000 câu. Theo chúng tôi tìm hiểu, thì sự cố cháy quyển *Cáo thi* đã xảy ra từ trước 1945 được coi là rất bi hiểm, song chung quy có lẽ do tàn nhang ở kệ thờ, nơi để bộ sách. Về sau, bộ KCKQ được một vài nơi thân cận trong vùng thỉnh về sao chép hoặc phiên âm ra Quốc ngữ, nhưng không ai có thể nhớ chính xác nên đành chấp nhận hiện trạng tàn khuyết cho đến ngày nay.

**4/ VẤN TIÊN:** Thơ, 1.254 câu, phân bố thành 3 phần. Hiện có 2 bản Nôm.

- Sách giấy dó chép rời thành 3 "quyển" nhỏ, mỗi

“quyển” là một phần. “Quyển nhất” có 280 câu lục bát, 12 tờ, mỗi trang 6 cột, mỗi cột là một cặp lục bát. “Quyển nhị” chép 400 câu lục bát, 16 tờ, mỗi trang 6 cột. Từ 2 trang đầu và trang cuối chép mỗi cột 3 câu, còn lại chép mỗi cột hai câu lục bát (chưa kể 4 câu được chép chèn thêm vào gần cuối trang 15a, bằng mực tím, nét chữ nguệch ngoạc, có nội dung giống bản giấy dẫu và các bản Quốc ngữ), trang cuối ghi “Bính Tý niên bát nguyệt nhị thập lục nhật” (= Ngày 26 tháng 8 năm Bính Tý, 1936). “Quyển tam” có 574 câu thất ngôn, 24 tờ (48 trang), ở bìa a ghi: “Tuế thứ Ất Hợi niên thập nhất nguyệt nhị thập lục nhật tả bút” (= Chép ngày 21 tháng 11 năm Ất Hợi, 1935). Mỗi trang chép 6 cột, mỗi cột hai câu thất ngôn.

- Sách giấy dẫu, 23 tờ, khổ 24x20cm, mỗi trang 14 cột, mỗi cột hai câu (lục, bát, thất). Mép trên gáy sách bị rách, do đó trang nào cũng bị mất một vài chữ. Nội dung cơ bản như bản giấy dó, cũng chia làm 3 phần: phần 1 có 280 câu lục bát như bản giấy dó, phần 2 có 404 câu lục bát (nhiều hơn bản giấy dó 4 câu), phần 3 có 574 câu thất ngôn như bản giấy dó. Cuối quyển có ghi: “Canh Dần niên bát nguyệt nhị thập tứ nhật phụng tả song, hạ bút” (=Viết xong ngày 24 tháng 8 năm Canh Dần, 1950, dùng bút).

Tác phẩm lấy tên *Vân Tiên* có lẽ do mượn một số tình tiết trong truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu để qua đó nói lên quan điểm về đạo và đời của tác giả. Ví như các câu “Cầm hồn với Trịnh Hâm là nịnh, Lo mưu vùng Gia Định Đồng Nai”, hay “Vương Tử Trác trông anh xa cách, Gián trong lòng thậm trách Vô Công”... đều mượn tên và tính cách nhân vật trong *Lục Vân Tiên*.

5/ **NGÔI BUỒN**: Thơ, vốn khoảng 1.026 câu lục bát, song hiện chỉ còn 898 câu. Sách giấy dó, 33 tờ, mỗi trang 8 cột, mỗi cột hai câu lục trên, bát dưới, cách nhau một quãng ở giữa. Ở khoảng giữa quyển, các tờ 14-17 bị rách

mất các câu lục ở bên trên hoặc rách mất luôn, chỉ còn mép giấy ở gáy sách. Nếu cứ theo những trang không bị rách, ta có thể biết được số câu vốn có của quyển này là 1.026 câu. Tuy nhiên, số câu hoàn chỉnh và liên tục từ tờ 1 đến tờ 13, và từ tờ 18 trở xuống cho hết quyển chỉ còn là 898 câu (và số câu bị mất hoặc còn cũng chỉ rải rác ở 4 tờ bị hỏng nói trên là 128 câu). Các bản Quốc ngữ cũng để khuyết những câu bị mất bằng cách chấm lửng.

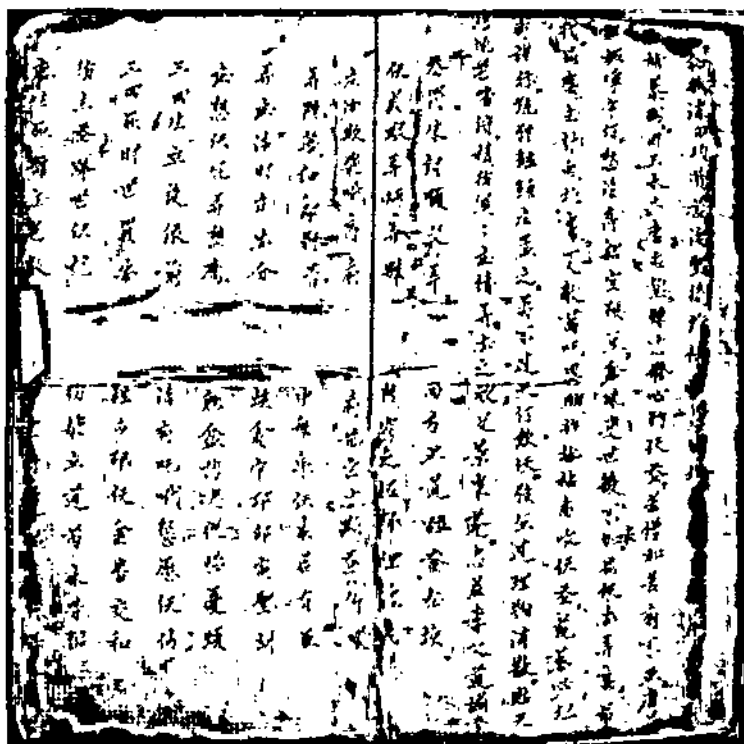
6/ **BỐN TUỞNG**: Lời thoại kịch bản tuồng, có phân thành các loại ngâm xướng như *thán*, *tán*, *ngâm*, *văn*...; lời thoại hầu hết có vần, có nhịp trầm bổng như thơ, nhiều đoạn toàn Hán Việt, nhiều đoạn thơ Nôm lục bát. Số chữ thuộc lời thoại quyển này tương đương 1.424 câu thơ thất ngôn. Hiện có 2 bản Nôm:

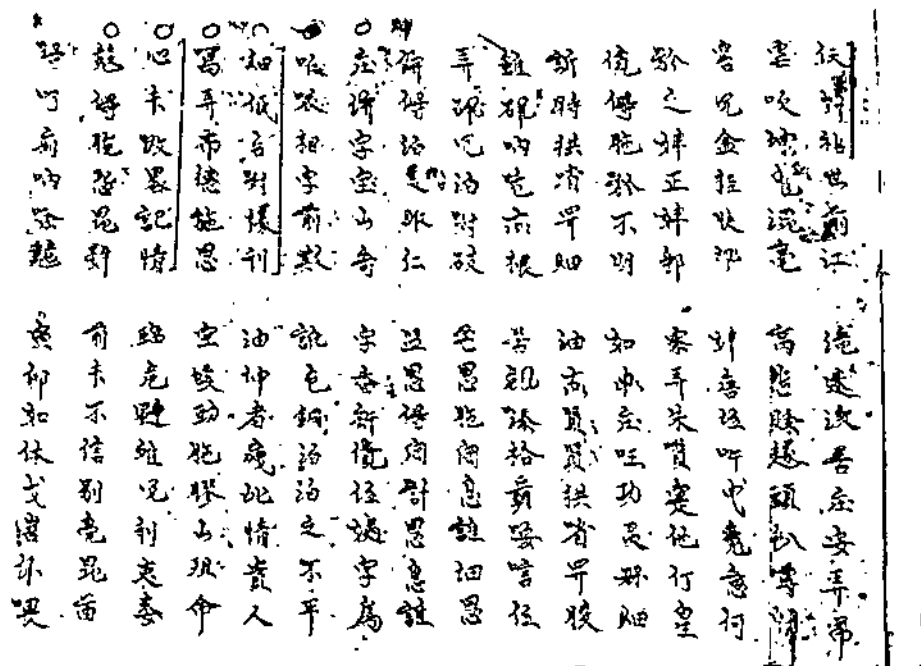
- Sách giấy dó, 25 tờ, chép liên tục. Ở trang cuối có ghi năm chép: “Tuế thứ Mậu Tuất niên” và tên người chép (Tả ký Mai Bá Lộc kính bút). Tra cứu lịch Âm-Dương đối chiếu thế kỷ XX cho thấy: Năm Mậu Tuất: 1958 (từ 18-2-1958 đến 8-2-1959).

- Sách giấy dẫu khổ 17x24,5cm, 29 tờ, chép liên tục, cuối câu không cách quãng. Cuối quyển có viết: “Canh Dần niên, bát nguyệt, sơ thất nhật hạ bút” (= Ngày 7 tháng 8 năm Canh Dần, 1950, dùng bút).

*Bốn tuồng* là một kịch bản tuồng, có số chữ sơ bộ tính được là 9.976 chữ, tạm quy tương đương với số chữ của 1.424 câu thơ thất ngôn (không kể các chữ “hạ viết, loạn viết, tán viết, thán viết, văn viết...” xuất hiện gần 100 lần trong văn bản). Sơ bộ xét thấy, gọi là “tuồng” thì đúng là lời thoại như trong tuồng hát bội, nhưng dường như toàn bộ chỉ là những lời độc thoại của một nhân vật (có 41 lần lời nhân vật xưng “Nhu tôi”, trong đó “Nhu tôi nay” 28 lần, nếu kể riêng từ “tôi” tự xưng thì có trên 100 lần) với một nhân vật đối thoại được gọi là “Thấy” rất trân trọng và quý mến. Tuy nhiên, trong quyển này còn có 17 lần xuất hiện nhóm từ “Huynh đệ ôi”, 2 lần “Chư huynh ôi”, 5 lần “Chư nhơn ôi”, 1 lần “Nhân dân ôi”..., nên cũng có thể toàn bộ lời thoại trong quyển này là của nhiều nhân vật, phân vai nhau

Tr. 1b-2a quyển Kim cô





Trang 1a quyển Tiền Giang, giấy dầu

bằng các cách gọi người đối thoại có thay đổi như thế.

7/ **THỪA NHẬN**: Thơ, sơ bộ đếm được 4.376 câu. Hiện có 2 bản Nôm:

- Sách giấy dó, gồm 91 tờ, trung bình mỗi trang 12 cột, mỗi cột 2 câu. Ngoài một đoạn gọi là "Minh ký" gồm 32 câu thất ngôn, từ câu thứ 3.913 (tr.82b), chép liên tục không cách quãng khi hết câu, còn lại đều mỗi cột là hai câu thơ lục bát. Khoảng 35 tờ đầu bị rách mất chữ một cột ở mép sách, tuy nhiên cũng đã được lóng giấy trắng và bôi viết bổ sung những chữ mất ấy với chữ bằng mực xanh, khá sắc nét.

- Sách giấy dầu khổ 27,5x21cm, 69 tờ, mỗi trang 16 cột, mỗi cột 2 câu, vài trang cuối quyển chép 14 cột/ trang, trang 69a chỉ còn 13 cột, hết quyển. Trang cuối quyển (69b) ghi: "Canh Dần niên thất nguyệt thập nhị nhật song hạ bút" (= Ngày 12 tháng 7 năm Canh Dần, 1950, dùng bút). Nội dung giống bản giấy dó ở trên. Nhiều đoạn có tư tưởng chống Tây.

8/ **TIỀN GIANG**: Thơ, gồm 6.000 câu, trong đó 5.264 câu đầu là lục bát, còn lại chủ yếu là thơ thất ngôn, gồm nhiều bài bát cú, trường thiên tách rời. Có 2 bản đều chép trên giấy dầu. Nội dung qua khảo sát sơ bộ thấy giống

nhau, tuy rằng cách viết chữ Nôm ở 2 bản nhiều chỗ không giống nhau về cấu tạo chữ.

- Sách giấy dầu khổ 14x20cm có 143 tờ chép nội dung. Phần trên (261 trang đầu) chép thơ lục bát, mỗi trang chép 10 cột, mỗi cột một cặp câu lục bát cách nhau một quãng. Phần dưới (25 trang cuối), mỗi trang 10 hoặc 11 cột, mỗi cột thường 3 câu. Cuối quyển có ghi niên đại sao lục: "Long Phi Nhâm Ngọ niên cửu nguyệt sơ tam nhật, phụng tả *Tiền Giang* cung kính" (= Ngày 3 tháng 9 năm Nhâm Ngọ, 1942, cung kính chép xong bốn *Tiền Giang*). Trang 144a tiếp theo đó chỉ ghi thông tin về người chép là Mai Bá Lộc (Mai Bá Lộc phụng tả toàn bốn ký).

- Sách giấy dầu khổ 26x20cm có 97 tờ. Mỗi trang 16 cột, thường mỗi cột 2 câu. Toàn văn kết thúc ở cuối trang 97a, có ghi ngày tháng: "Canh Dần niên lục nguyệt thập nhị nhật, toàn bốn, hạ bút" (= Ngày 20 tháng 6 năm Canh Dần, 1950, chép xong toàn bản, dùng bút).

9/ **KIẾNG TIỀN**: Thơ, sơ bộ đếm được 2.184 câu, phần đầu thơ thất ngôn, phần sau thất-bát ngôn. Hiện có 2 bản Nôm:

- Sách giấy dó, 51 tờ, mép bìa sách bị ố màu và đôi chỗ bị rách mất chữ. Mỗi trang 8 cột, mỗi cột

khoảng 25 chữ. Từ đầu quyển đến giữa trang 22a là thơ thất ngôn, chép liên tục, hết câu không có khoảng cách. Từ giữa trang 22a đến cuối quyển là thơ thất-bát ngôn (nhiều trang câu lẻ 7 chữ ở trên, câu chẵn 8 chữ ở dưới, còn lại viết liên tục). Toàn văn kết thúc ở trang 51a, không ghi thông tin về thời điểm và người sao lục.

- Sách giấy dầu, 40 tờ khổ 24x20cm, mỗi trang 14 cột, mỗi cột thường 2 câu. Từ đầu quyển đến giữa trang 27b là thơ thất ngôn; từ giữa trang 27b đến cuối là thơ thất-bát ngôn. Nội dung giống bản giấy dó kể trên, tuy chữ viết Nôm đôi chỗ có khác nhau về cấu tạo chữ.

Trên đây là thông tin tư liệu về 9 quyển sách Nôm thuộc bộ *Kim cổ kỳ quan* của tác giả Nguyễn Văn Thới mà lâu nay rất nhiều người dân Nam bộ chỉ biết qua các bản Quốc ngữ. Bộ sách Nôm này là tài liệu quý, dùng để đối chứng với các bản Quốc ngữ của *Kim cổ kỳ quan* lưu truyền lâu nay, đồng thời là chứng tích về văn tự Nôm ở Nam bộ đầu thế kỷ XX, di sản văn hoá Hán Nôm của cha ông cần được bảo tồn và khai thác. Đây là nguồn tư liệu quý góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa Nam bộ trong tiến trình văn hóa dân tộc nói chung".■

## CHÚ THÍCH:

(\*) Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số C2016-18b-08.

1. Các ấn bản Quốc ngữ đều có nội dung giống nhau, chẳng hạn *Kim cổ kỳ quan* (trọn bộ chín quyển: *Kim cổ*, *Giác mê*, *Cáo thị*, *Văn Tiên*, *Ngôi buồn*, *Bốn tướng*, *Thừa nhân*, *Tiền Giang*, *Kiến [sic] Tiên*), 828 trang, Nhà in Thế Hùng, Long Xuyên, 1972, tái bản.

2. Bộ *Kim cổ kỳ quan* bằng chữ Nôm được miêu tả ở đây hiện đang lưu giữ tại Phòng Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Khoa Văn học, Trường DH KHXH và NV TP.HCM.